

Số: 191/CT-INC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Về việc công bố thông tin Báo cáo
tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO**

- Mã chứng khoán: **INC**

- Địa chỉ trụ sở: Số 100 Đường Nguyễn Gia Trí, P25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0283 8995588 Fax: 0283 8995588

- Người thực hiện công bố thông tin: **Lại Văn Hoàn** - Chức vụ: Kế toán trưởng

- Loại công bố thông tin: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

- Nội dung công bố thông tin:

+ Toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

+ Nội dung giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 biến động trên 10% so với 6 tháng đầu năm 2022.

- Thông tin trên được đăng tải tại Website: idico-incon.com.vn (mục quan hệ cổ đông)

Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCKT, VPTH.

NGƯỜI UỶ QUYỀN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lại Văn Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Số 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn đầu tư IDICO theo Quyết định số 1423/QĐ-BXD ngày 13/10/2006 của Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2007. Đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 11 ngày 18/3/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 thay đổi lần thứ 11 ngày 18/3/2022 là 20.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO Investment Consultancy Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - INCON.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã INC.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Ủy viên
Ông Hà Huy Thanh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 20/4/2023)
Bà Bùi Thị Kim Thoa	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 20/4/2023)

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Thùy Phương	Trưởng ban
Ông Vũ Tuấn Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Ngọc Loan	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc
Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc
Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc
Ông Phạm Lâm Sơn	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm lại ngày 18/4/2023)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Số 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

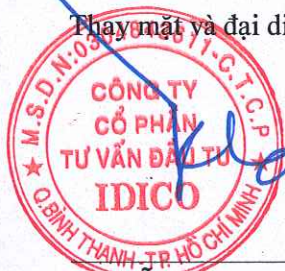
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Ngọc Khánh
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Số: 129/2023/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư IDICO được lập ngày 10/8/2023, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		30.095.753.703	29.451.726.789
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.469.218.380	2.613.255.794
1. Tiền	111		1.669.218.380	613.255.794
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.800.000.000	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.520.512.347	12.210.613.332
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14.207.466.567	12.926.601.552
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		389.996.000	248.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	469.807.572	478.069.572
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(1.546.757.792)	(1.442.057.792)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	13.070.844.187	14.595.168.268
1. Hàng tồn kho	141		13.070.844.187	14.595.168.268
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.178.789	32.689.395
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	35.178.789	32.689.395
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+260)	200		6.569.194.683	6.885.770.865
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.537.906.805	6.827.664.805
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	4.148.852.805	4.438.610.805
- Nguyên giá	222		8.435.694.691	8.435.694.691
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.286.841.886)	(3.997.083.886)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	2.389.054.000	2.389.054.000
- Nguyên giá	228		4.865.783.400	4.865.783.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.476.729.400)	(2.476.729.400)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.287.878	58.106.060
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	31.287.878	58.106.060
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		36.664.948.386	36.337.497.654

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		10.271.189.419	10.845.419.188
I. Nợ ngắn hạn	310		10.271.189.419	10.845.419.188
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	2.565.487.118	2.733.105.904
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	3.053.328.733	3.335.841.133
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	993.154.931	916.556.487
4. Phải trả người lao động	314		960.401.000	958.707.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		63.636.364	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.164.787.257	2.285.691.337
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		470.394.016	615.517.327
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.393.758.967	25.492.078.466
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	26.393.758.967	25.492.078.466
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		248.050.000	248.050.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.145.708.967	5.244.028.466
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.114.028.466	5.244.028.466
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.031.680.501	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		36.664.948.386	36.337.497.654
(440 = 300+400)				

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

al

JMM



Phan

Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		12.113.315.499	13.042.249.736
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	12.113.315.499	13.042.249.736
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	8.633.384.499	8.701.414.639
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.479.931.000	4.340.835.097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	37.794.604	44.087.688
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	2.290.572.713	2.680.842.396
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.227.152.891	1.704.080.389
11. Thu nhập khác	31	6.5	68.145.831	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		68.145.831	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		1.295.298.722	1.704.080.389
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	263.618.221	356.876.078
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.031.680.501	1.347.204.311
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	516	641

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.295.298.722	1.704.080.389
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		289.758.000	285.436.000
- Các khoản dự phòng	03		104.700.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(37.794.604)	(44.087.688)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.651.962.118	1.945.428.701
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.414.599.015)	(1.093.505.212)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.524.324.081	1.208.593.759
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(352.339.372)	787.604.933
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		24.328.788	41.184.094
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(268.243.618)	(417.516.479)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(259.200.000)	(799.023.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		906.232.982	1.672.766.796
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(120.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37.794.604	44.087.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		37.794.604	(75.912.312)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(88.065.000)	(1.096.605.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(88.065.000)	(1.096.605.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		855.962.586	500.249.484
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	2.613.255.794	5.241.300.825
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	3.469.218.380	5.741.550.309

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Signature)

(Signature)



(Signature)

Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn đầu tư IDICO theo Quyết định số 1423/QĐ-BXD ngày 13/10/2006 của Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2007. Đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 11 ngày 18/3/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 thay đổi lần thứ 11 ngày 18/3/2022 là 20.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO Investment Consultancy Joint Stock Company

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - INCON

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã INC.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 48 người (tại ngày 31/12/2022 là 52 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Tư vấn quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp;
- Tư vấn đấu thầu về xây lắp, cung cấp vật tư và mua sắm máy móc thiết bị;
- Lập và thẩm tra dự án đầu tư xây dựng, thẩm tra thiết kế, dự toán và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, nông nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế công trình kỹ thuật và đô thị;
- Thiết kế qui hoạch xây dựng công trình;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình;
- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất;
- Thiết kế kết cấu công trình giao thông;
- Giám sát thi công công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện;
- Đánh giá tác động môi trường;
- Thiết kế kiến trúc công trình;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Thẩm tra an toàn giao thông đường bộ;
- Lập báo cáo đầu tư (nghiên cứu tiền khả thi và khả thi): giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.3 Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật ;
- Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình dân dụng và giao thông;
- Hoạt động đo đạc bản đồ;
- Tư vấn thiết kế về phòng cháy chữa cháy;
- Tư vấn giám sát về phòng cháy chữa cháy;.....

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế, lập quy hoạch, khảo sát địa hình-địa chất và giám sát thi công xây dựng.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, và giá trị thương hiệu được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

TSCĐ vô hình là Phần mềm máy tính được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thương hiệu được tính hao mòn trong thời gian 10 năm, kể từ năm 2007. Việc ghi nhận trên có khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại Số 100, Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có nguyên giá ban đầu là 2.389.054.000 đồng. Tài sản cố định là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 05 năm đến 08 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí sửa chữa văn phòng Công ty.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ thiết kế, tư vấn, giám sát thi công công trình.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát thi công công trình chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	66.148.462	109.112.427
Tiền gửi ngân hàng	1.603.069.918	504.143.367
Các khoản tương đương tiền	1.800.000.000	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	1.800.000.000	2.000.000.000
Tổng	3.469.218.380	2.613.255.794

(i) Khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất từ 4% đến 4,5%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tổng Công ty IDICO - CTCP	1.505.746.307	3.081.132.882
Công ty TNHH Đầu Tư Quốc lộ 1 Tiền Giang	1.308.211.699	1.308.211.699
Công ty Cổ phần Đầu tư và du lịch Bình Tiên	7.340.556.400	4.917.567.722
- Phải thu các đối tượng khác	4.052.952.161	3.619.689.249
Tổng	14.207.466.567	12.926.601.552

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

2.469.198.116

4.610.949.526

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICOSố 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25,
quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.3 Phải thu khác ngắn hạn

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
- Tạm ứng	76.000.000	-	119.000.000	-
- Phải thu khác :	393.807.572	(359.069.572)	359.069.572	(359.069.572)
Trong đó:				
Nguyễn Phi Hùng	97.921.415	(97.921.415)	97.921.415	(97.921.415)
Nguyễn Trúc Nghĩa	261.148.157	(261.148.157)	261.148.157	(261.148.157)
Các khoản khác	34.738.000	-	-	-
Tổng	469.807.572	(359.069.572)	478.069.572	(359.069.572)

5.4 Nợ xấu

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Đầu tư QL1 Tiền Giang	1.308.211.699	533.830.479	1.308.211.699	533.830.479
Nguyễn Trúc Nghĩa	261.148.157	-	261.148.157	-
Nguyễn Phi Hùng	97.921.415	-	97.921.415	-
Đinh Thị Liên	220.000.000	-	220.000.000	-
Các khách hàng khác	193.307.000	-	88.607.000	-
Tổng	2.080.588.271	533.830.479	1.975.888.271	533.830.479
Trong đó :				
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên
Công ty TNHH Đầu tư QL1 Tiền Giang				1.308.211.699
Nguyễn Trúc Nghĩa				261.148.157
Nguyễn Phi Hùng				97.921.415
Đinh Thị Liên				220.000.000
Các khách hàng khác				193.307.000
Tổng				2.080.588.271

5.5 Hàng tồn kho

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.816.998	-	13.160.898	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	13.054.027.189	-	14.582.007.370	-
Tổng	13.070.844.187	-	14.595.168.268	-

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí của các hợp đồng tư vấn (khảo sát, giám sát lập dự án đầu tư, thiết kế, lập kế hoạch) đang thực hiện và các hợp đồng tư vấn đang chờ quyết toán từ chủ đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.6 Chi phí trả trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	35.178.789	32.689.395
Công cụ dụng cụ xuất dùng	35.178.789	32.689.395
b) Dài hạn	31.287.878	58.106.060
Chi phí sửa chữa văn phòng	31.287.878	58.106.060
Tổng	66.466.667	90.795.455

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					-
Số dư tại 01/01/2023	4.927.824.662	636.632.868	2.529.416.700	341.820.461	8.435.694.691
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	<u>4.927.824.662</u>	<u>636.632.868</u>	<u>2.529.416.700</u>	<u>341.820.461</u>	<u>8.435.694.691</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2023	1.330.506.972	528.632.868	1.829.361.403	308.582.643	3.997.083.886
Tăng trong kỳ	98.556.000	12.000.000	158.088.000	21.114.000	289.758.000
Khấu hao trong kỳ	98.556.000	12.000.000	158.088.000	21.114.000	289.758.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	<u>1.429.062.972</u>	<u>540.632.868</u>	<u>1.987.449.403</u>	<u>329.696.643</u>	<u>4.286.841.886</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	<u>3.597.317.690</u>	<u>108.000.000</u>	<u>700.055.297</u>	<u>33.237.818</u>	<u>4.438.610.805</u>
Tại ngày 30/6/2023	<u>3.498.761.690</u>	<u>96.000.000</u>	<u>541.967.297</u>	<u>12.123.818</u>	<u>4.148.852.805</u>

- Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 với giá trị là 515.740.461 VND (tại ngày 31/12/2022 là: 515.740.461 VND).

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng tạm thời không sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 216.031.050 VND (ngày 31/12/2022: 216.031.050 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 3.498.761.690 VND (tại ngày 31/12/2022 là 3.597.317.689 VND). Tại ngày 30/6/2023, Công ty không có số dư vay phải trả, tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh vẫn giữ hồ sơ tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho dịch vụ phát hành chứng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc đảm bảo cho các khoản vay phát sinh trong tương lai theo hợp đồng hạn mức số 01/2022/95378/HĐTĐ ngày 21/12/2022, có thời hạn 01 năm từ ngày 21/12/2022 đến ngày 21/12/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử	Phần mềm	TSCĐ	Tổng
	dụng đất		vô hình khác	
NGUYỄN GIA				
Số dư tại 01/01/2023	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
Số dư tại 30/6/2023	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2023	-	476.729.400	2.000.000.000	2.476.729.400
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	-	476.729.400	2.000.000.000	2.476.729.400
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	2.389.054.000	-	-	2.389.054.000
Tại ngày 30/6/2023	2.389.054.000	-	-	2.389.054.000

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 2.389.054.000 VND (tại ngày 31/12/2022 là 2.389.054.000 VND). Tại ngày 30/6/2023, Công ty không có số dư vay phải trả, tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh vẫn giữ hồ sơ tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho dịch vụ phát hành chứng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc đảm bảo cho các khoản vay phát sinh trong tương lai theo hợp đồng hạn mức số 01/2022/95378/HĐTD ngày 21/12/2022, có thời hạn 01 năm từ ngày 21/12/2022 đến ngày 21/12/2023.

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần thiết kế và Xây dựng Rạng Đông	2.052.681.818	2.052.681.818	2.052.681.818	2.052.681.818
Công ty TNHH MTV tư vấn thiết kế đầu tư xây dựng Gia Phát	-	-	421.513.636	421.513.636
Các đối tượng khác	512.805.300	512.805.300	258.910.450	258.910.450
Tổng	2.565.487.118	2.565.487.118	2.733.105.904	2.733.105.904

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tổng công ty IDICO -CTCP	782.833.733	1.126.605.733
Công ty cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	722.000.000	552.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư KCN Hoàng Thành Du Long	305.479.000	407.467.000
Công ty cổ phần KCN Thành Thành Công	59.808.000	59.808.000
Các đối tượng khác	1.183.208.000	1.189.960.400
Tổng	3.053.328.733	3.335.841.133
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>1.173.410.733</i>	<i>1.365.975.733</i>

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Phải nộp	916.556.487	1.441.289.292	1.364.690.848	993.154.931
Thuế giá trị gia tăng	570.161.192	927.227.071	771.617.530	725.770.733
Thuế thu nhập doanh nghiệp	201.404.595	263.618.221	268.243.618	196.779.198
Thuế thu nhập cá nhân	144.990.700	247.444.000	321.829.700	70.605.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn	43.246.000	86.006.000
Bảo hiểm xã hội	-	485.500
Bảo hiểm y tế	-	447.000
Bảo hiểm thất nghiệp	-	560.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.921.028.337	2.009.093.337
Phải trả, phải nộp khác	200.512.920	189.099.500
Tổng	2.164.787.257	2.285.691.337
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>1.812.000.000</i>	<i>1.812.000.000</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.13 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	1.642.651.577	2.602.376.331	25.938.659.517
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.683.536.949	2.683.536.949
Tăng LNST từ vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	1.445.581.609	1.445.581.609
Tăng LNST từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	1.642.651.577	1.642.651.577
Chuyển vốn khác sang LNST	-	-	(1.445.581.609)	-	-	(1.445.581.609)
Chuyển Quỹ đầu tư phát triển sang LNST	-	-	-	(1.642.651.577)	-	(1.642.651.577)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(130.118.000)	(130.118.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2022	20.000.000.000	248.050.000	-	-	5.244.028.466	25.492.078.466
Số dư tại 01/01/2023	20.000.000.000	248.050.000	-	-	5.244.028.466	25.492.078.466
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	1.031.680.501	1.031.680.501
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(130.000.000)	(130.000.000)
Số dư tại 30/6/2023	20.000.000.000	248.050.000	-	-	6.145.708.967	26.393.758.967

(i) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQ-CT ngày 20/4/2023 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2022: 130.000.000 VND.

- Chia cổ tức 15% trên vốn điều lệ với giá trị 3.000.000.000 VND. Tuy nhiên, Công ty chưa có thông báo chính thức về việc chi trả Cổ tức của năm 2022. Theo đó, Công ty chưa ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICOSố 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25,
quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 30/06/2023 (VND)			Tại ngày 01/01/2023 (VND)		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị
Tổng công ty IDICO - CTCP	70,40%	1.408.000	14.080.000.000	70,40%	1.408.000	14.080.000.000
Ông Nguyễn Trọng Thọ	5,06%	101.200	1.012.000.000	5,06%	101.200	1.012.000.000
Kian Soon	7,38%	147.600	1.476.000.000	7,38%	147.600	1.476.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	17,16%	343.200	3.432.000.000	17,16%	343.200	3.432.000.000
Tổng	100%	2.000.000	20.000.000.000	100%	2.000.000	20.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Vốn góp tại đầu kỳ	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	20.000.000.000	20.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.14 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Nợ phải thu khó đòi đã xử lý (i)		
BQL DA ĐTXD công trình DD & CN tỉnh Hậu Giang	158.617.000	158.617.000
Tổng công ty Tư vấn thiết kế Dầu Khí	219.365.100	219.365.100
Cty CP ĐTXD và Du lịch IDICO	213.052.000	213.052.000
Viện Thiết kế Trường học	5.234.000	5.234.000
Tổng	596.268.100	596.268.100

(i) Đây là các đối tượng đã thực hiện xóa nợ tại ngày 23/11/2020 theo Quyết định số 556/QĐ-CT ngày 23/11/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.113.315.499	13.042.249.736
Tổng	12.113.315.499	13.042.249.736
<i>Trong đó, doanh thu đối với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>4.749.259.726</i>	<i>4.962.567.295</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.633.384.499	8.701.414.639
Tổng	8.633.384.499	8.701.414.639

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.794.604	44.087.688
Tổng	37.794.604	44.087.688

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.495.956.000	1.755.672.000
Chi phí vật liệu quản lý	-	41.184.094
Chi phí khấu hao TSCĐ	289.758.000	285.436.000
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	104.700.000	-
Chi phí bằng tiền khác	397.158.713	595.550.302
Tổng	2.290.572.713	2.680.842.396

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.5 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập khác		
Các khoản khác	68.145.831	-
Tổng	68.145.831	-
Chi phí khác		
Tổng	-	-
Lợi nhuận khác	68.145.831	-

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.295.298.722	1.704.080.389
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	22.792.385	80.300.000
<i>Chi phí không được trừ</i>	22.792.385	80.300.000
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.318.091.107	1.784.380.389
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	263.618.221	356.876.078

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.031.680.501	1.347.204.311
Các khoản điều chỉnh	-	(65.000.000)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(65.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	1.031.680.501	1.282.204.311
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	516	641

i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ước tính một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Trình bày lại Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022:

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi lương thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/6/2022 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên báo cáo năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.347.204.311	1.347.204.311	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý	-	(65.000.000)	(65.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.347.204.311	1.282.204.311	(65.000.000)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	673,6	641,1	(32,5)

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	240.163.500	116.826.394
Chi phí nhân công	6.703.903.500	6.444.458.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.758.000	285.436.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.657.293.318	2.553.013.800
Chi phí khác bằng tiền	400.159.413	762.800.782
Tổng	9.291.277.731	10.162.534.976

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh Công ty Mẹ	IDICO - IEB
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - MCI
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - UDICO
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - LINCO
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - CONAC
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - INCO 10
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - URBIZ
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - SHP
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - IDI
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - ICC
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và KCN Quế Võ IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - QUE VO
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - TCC
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Cùng Công ty mẹ	LAMA IDICO
Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang	Cùng Công ty mẹ	IDICO - ITC
Các cá nhân quản lý (Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc) và người thân cận của các cá nhân này.	Ảnh hưởng đáng kể	

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Thù lao Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Ông Hoàng Tuấn Anh	Chủ tịch	36.112.000	28.111.000
Ông Hoàng Văn Hiến	Nguyên Chủ tịch	-	31.111.000
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Ủy viên	15.000.000	15.000.000
Ông Hà Huy Thanh	Nguyên Ủy viên	15.333.000	3.000.000
Bà Bùi Thị Kim Thoa	Ủy viên	6.333.000	-
Tổng		72.778.000	77.222.000

Thù lao Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Bà Vũ Thị Thùy Phương	Trưởng BKS	18.333.000	15.000.000
Ông Nguyễn Trọng Thọ	Nguyên thành viên BKS	-	8.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Loan	Thành viên BKS	12.222.000	2.000.000
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên BKS	12.222.000	10.000.000
Tổng		42.777.000	35.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc, Người phụ trách quản trị, Người công bố thông tin

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc	307.635.000	299.036.000
Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc	243.755.000	258.607.000
Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc	262.985.000	265.987.000
Ông Phạm Lâm Sơn	Phó Giám đốc	242.740.000	254.573.000
Bà Nguyễn Thị Phương Dung	Phụ trách quản trị	151.830.000	153.123.000
Ông Lại Văn Hoàn	Kế toán trưởng - Người công bố thông tin	152.147.000	151.721.000
Tổng		1.361.092.000	1.383.047.000

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
Bán hàng			4.749.259.726	4.962.567.295
IDICO	Công ty mẹ	Chi phí giám sát	1.293.003.436	1.398.413.559
		Chi phí khảo sát, thiết kế	1.708.708.161	-
		Chi phí lập hồ sơ đăng ký môi trường	30.000.000	-
IDICO - URBIZ	Cùng Công ty mẹ	Chi phí thiết kế	428.524.818	3.564.153.736
		Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	93.227.571	-
IDICO - IDI	Cùng Công ty mẹ	Chi phí giám sát	413.831.029	-
IDICO - MCI	Cùng Công ty mẹ	Chi phí khảo sát	45.454.545	-
IDICO - QUE VO	Cùng Công ty mẹ	Chi phí tư vấn	736.510.166	-

